

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CẤP VÙNG Ở VIỆT NAM

*Bùi Đức Hùng**

Vùng kinh tế - xã hội ở Việt Nam được xác định bởi quy hoạch xây dựng vùng lãnh thổ, bao gồm 9 vùng. Đặc điểm và hạn chế của kinh tế vùng ở Việt Nam là tăng trưởng chủ yếu nhờ tăng quy mô, phát triển theo chiều rộng. Mô hình tiêu dùng của một bộ phận dân cư còn thiếu gắn gũi, thân thiện với môi trường và thiên nhiên. Kinh tế đô thị, đặc biệt khu vực công nghiệp và dịch vụ đã có đóng góp khá trong tổng thu nhập quốc gia (GDP). Tuy nhiên, như một quy luật, đô thị hóa cũng đem lại những tác động tiêu cực, đặc biệt trong lĩnh vực khai thác tài nguyên thiên nhiên.

Nghiên cứu về phát triển bền vững (PTBV) cấp vùng ở Việt Nam chỉ mới được triển khai trong một số năm gần đây, lại là lĩnh vực nghiên cứu đa ngành, có thể còn có những ý kiến khác nhau. Bài viết này sau khi bàn luận về quan điểm, phương hướng hành động có tính nguyên tắc để PTBV trên phạm vi vùng đã đề xuất hệ thống tiêu chí đánh giá sự PTBV trên phạm vi vùng ở Việt Nam.

1. Phân vùng kinh tế - xã hội ở Việt Nam

Vùng kinh tế - xã hội Việt Nam được xác định bởi quy hoạch xây dựng vùng lãnh thổ, bao gồm 9 vùng: (1) Vùng trung du và miền núi phía Bắc (các tỉnh Hà Giang, Cao Bằng, Lào Cai, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Yên Bái, Thái Nguyên, Phú Thọ, Bắc Giang, Lai Châu, Điện Biên và Sơn La). (2) Vùng Hà Nội (gồm thành phố Hà Nội là hạt nhân và 6 tỉnh Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Bắc Ninh, Hải Dương, Hà Nam và Hòa Bình). (3) Vùng duyên hải Bắc Bộ (Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định và Ninh Bình). (4) Vùng Bắc Trung Bộ (gồm Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên - Huế). (5) Duyên hải Nam Trung Bộ (gồm Phú Yên, Khánh Hoà, Ninh Thuận và Bình Thuận). (6) Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung (gồm thành phố Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định). (7) Tây Nguyên (gồm 5 tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng). (8) Vùng thành phố Hồ Chí Minh (gồm thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu và Tiền Giang). (9) Đồng bằng sông Cửu Long (gồm 13 đơn vị cấp tỉnh thành là An Giang,

* TS. Viện Phát triển bền vững vùng Trung Bộ.

Bến Tre, Bạc Liêu, Cà Mau, Cần Thơ, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Long An, Sóc Trăng, Tiền Giang, Trà Vinh và Vĩnh Long). Trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng, nhiều tỉnh thuộc cả hai vùng mà vẫn không bị chùng chéo quy hoạch như: Hòa Bình về mặt địa lý, tự nhiên thuộc vùng trung du và miền núi phía Bắc nhưng trong phân vùng kinh tế - xã hội thuộc vùng Hà Nội; tương tự, Quảng Ninh thuộc vùng trung du và miền núi phía Bắc và vùng duyên hải Bắc Bộ; Thừa Thiên - Huế thuộc vùng Bắc Trung Bộ và vùng kinh tế trọng điểm Trung Bộ; Long An và Tiền Giang vừa thuộc vùng thành phố Hồ Chí Minh vừa thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long.

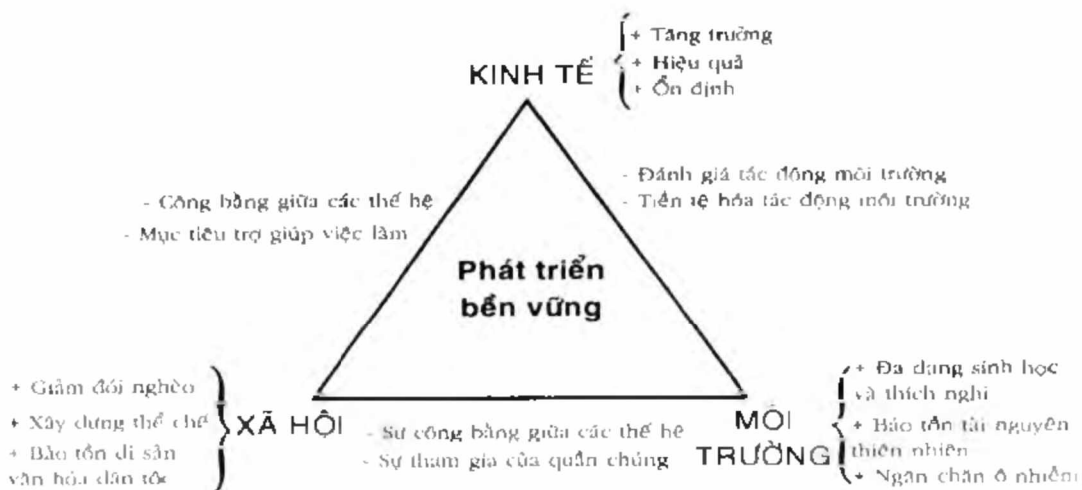
2. Phát triển bền vững trên phạm vi vùng

Những ý tưởng hàm ý PTBV sớm xuất hiện trong xã hội loài người nhưng phải đến thập niên đầu của thế kỷ XX, những hàm ý này mới phát triển, chuyển hoá thành hành động và cao hơn là phong trào xã hội. Tiên phong cho các trào lưu này phải kể đến giới bảo vệ môi trường ở Tây Âu và Bắc Mỹ.

Khái niệm "phát triển bền vững" được du nhập đến Việt Nam vào khoảng cuối thập niên 80 đầu thập niên 90 của thế kỷ trước. PTBV nhấn mạnh đến khả năng phát triển kinh tế liên tục lâu dài, không gây ra những hậu quả khó khôi phục ở những lĩnh vực khác nhau, nhất là thiên nhiên. Phát triển mà làm hủy hoại môi trường là một phát triển không bền vững, phát triển mà chỉ dựa vào những loại tài nguyên có thể cạn kiệt (mà không lo trước sẽ đến ngày chúng cạn kiệt) là một phát triển không bền vững.

Quan hệ ràng buộc giữa tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái trong phát triển bền vững được khái quát trong sơ đồ sau:

Sơ đồ 1: Các thành tố của phát triển bền vững



PTBV có nội hàm rất rộng, mỗi thành tố trong đó đều có một ý nghĩa riêng. Một mẫu hình PTBV là mỗi địa phương, vùng, quốc gia... không nên thiên về thành tố này và xem nhẹ thành tố kia. Vấn đề là áp dụng nó như thế nào ở các cấp độ trên và trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội.

Nghiên cứu lịch sử phát triển, quan hệ ràng buộc giữa ba trụ cột của PTBV (kinh tế, xã hội và môi trường), có thể thống nhất quan điểm rằng, PTBV là xu thế tất yếu trong tiến trình phát triển của xã hội loài người. Từ đó, PTBV trên phạm vi vùng tất nhiên cũng yêu cầu phải đạt được sự phát triển hài hoà cả ba mặt kinh tế - xã hội - môi trường để đáp ứng nhu cầu về vật chất, văn hoá, tinh thần của thể hệ hiện tại, nhưng không làm tổn hại đến khả năng cung cấp tài nguyên cho phát triển kinh tế - xã hội của các thế hệ mai sau.

Phát triển bền vững về kinh tế trên phạm vi vùng thể hiện ở sự kết hợp hài hoà giữa mục tiêu tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hoá, xã hội; cân đối nhịp độ phát triển kinh tế với sử dụng các điều kiện nguồn lực, tài nguyên thiên nhiên, khoa học, công nghệ. Thể hiện ở sự tăng trưởng và phát triển lành mạnh, hiệu quả của tất cả các ngành kinh tế, đặc biệt, các ngành liên quan đến sử dụng tài nguyên thiên nhiên. Sự phát triển của ngành này không làm tổn hại đến ngành khác.

Phát triển bền vững về xã hội trên phạm vi vùng là hướng đến xây dựng một xã hội, trong đó, có nền kinh tế tăng trưởng nhanh - ổn định đi đôi với dân chủ, tiến bộ và công bằng xã hội. Công bằng trong phân phối, cung cấp đầy đủ các dịch vụ xã hội, y tế, giáo dục, đảm bảo chế độ dinh dưỡng, chất lượng chăm sóc sức khoẻ nhân dân ngày càng được nâng cao, mọi người đều có cơ hội được học hành, có việc làm, giảm tình trạng đói nghèo, hạn chế khoảng cách giàu nghèo giữa các tầng lớp và nhóm xã hội, công bằng giới tính, hạn chế các tệ nạn xã hội. Tinh đa dạng của bản sắc văn hoá dân tộc được duy trì, phát huy; trình độ văn minh trong đời sống vật chất và tinh thần không ngừng được nâng cao.

Phát triển bền vững về môi trường trên phạm vi vùng là sử dụng một cách hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, duy trì một nền tảng nguồn lực ổn định. Môi trường tự nhiên, môi trường xã hội không bị các hoạt động của con người làm ô nhiễm, suy thoái và tổn hại. Duy trì sự đa dạng sinh học, sự ổn định khí quyển. Các nguồn phế thải từ sản xuất và sinh hoạt được xử lý, tái chế kịp thời.

Để thực hiện nhất quán nội dung nêu trên cần cụ thể hóa thành phương hướng hành động có tính nguyên tắc như sau:

Mục đích của mọi hoạt động kinh tế của dân cư trong vùng là sản xuất sản phẩm và thu lợi nhuận. Mục đích này sẽ phù hợp với mục tiêu chung của đất nước nếu góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia một cách bền vững,

lấy con người làm trung tâm và PTBV con người. Đây là một yêu cầu có ý nghĩa cơ bản và cấp bách.

Mối quan hệ giữa nghèo khổ với suy thoái môi trường đã tạo nên một vòng luẩn quẩn. Người dân nghèo phải tìm mọi cách để sống được bằng việc khai thác tài nguyên thiên nhiên. Sản xuất ở khu vực chậm phát triển thường thiếu tri thức, thiếu vốn, thiếu công nghệ, cho nên năng suất lao động thấp, sử dụng năng lượng và nguyên liệu với hiệu suất thấp. Vậy phải lựa chọn, hoặc hạn chế sản xuất để bảo vệ môi trường hay phải tăng trưởng để xoá nạn nghèo đói. Rõ ràng, không thể chọn con đường phát triển bằng mọi giá nhưng cũng không cực đoan bảo vệ môi trường trong tình trạng duy trì nền kinh tế kém phát triển. Vấn đề ở đây là cách thức phát triển sao cho ảnh hưởng tới môi trường hợp lý và không quá mức. Muốn vậy, cần thay đổi thói quen, tập quán sản xuất, lối sống trong cộng đồng dân cư; thành quả sản xuất không chú trọng nhiều đến số lượng mà phân đấu đạt chất lượng, hiệu quả cao.

Phát triển kinh tế thường gắn với đổi mới công nghệ, doanh nghiệp du nhập công nghệ mới. Đứng trên quan điểm PTBV, đòi hỏi chủ đầu tư lựa chọn công nghệ nhận chuyển giao đảm bảo những chỉ tiêu nghiêm ngặt về kinh tế - kỹ thuật và môi trường. Công nghệ được chuyển giao phải là công nghệ cần thiết và thích hợp cho từng ngành công nghiệp chuyên môn hoá để nâng cao hiệu quả kinh doanh, tăng sức cạnh tranh của hàng hóa, dịch vụ trên thị trường trong và ngoài nước; đáp ứng yêu cầu đa dạng hóa kiểu dáng, mẫu mã, nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao năng suất lao động và năng lực sản xuất.

Các công nghệ được chuyển giao phải là công nghệ sử dụng tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng và không gây ô nhiễm môi trường. Để phòng tình trạng biến vùng thành bãi thải công nghệ. Tránh nhập công nghệ lạc hậu gây ô nhiễm môi trường, không an toàn và không bảo đảm vệ sinh lao động. Không thể nhập công nghệ, liên doanh đầu tư bằng cái giá phải trả là sự huỷ hoại về môi trường sinh thái, làm lu mờ bản sắc văn hoá dân tộc nhưng cũng không theo đuổi, giữ gìn môi trường trong tình trạng kém phát triển. Điều đó, đòi hỏi vùng phải tạo ra, thúc đẩy thực hiện quá trình "công nghiệp hoá sạch", xây dựng mô hình sản xuất và tiêu dùng theo hướng thân thiện với môi trường. Giảm ô nhiễm môi trường không khí ở các đô thị và khu công nghiệp. Quản lý chất thải rắn và chất thải độc hại. Bảo vệ môi trường nước và sử dụng bền vững tài nguyên nước. Khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản. Chống tình trạng thoái hoá đất, sa mạc hóa, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất...

Hiệu quả kinh tế của vùng phải gắn với tiến bộ, công bằng xã hội. Đặc biệt, quan tâm đầu tư công cho khu vực nông thôn, miền núi, vùng xa nhằm làm cho mức

sông của thành thị và nông thôn không chênh lệch nhiều và ngày càng được nâng cao. Tập trung nỗ lực để xoá đói, giảm nghèo, đẩy mạnh thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Nhân tố con người có ý nghĩa quyết định đến hiệu quả trong cả trước mắt và lâu dài. Do đó, phải chăm lo phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, tham mưu chính sách, đội ngũ cán bộ quản lý doanh nghiệp và công nhân kỹ thuật; có chính sách đào tạo và sử dụng nhân tài. Cần có sự nhất quán, xuyên suốt lâu dài trong hành động của các thể hệ lãnh đạo: chung sức tạo ra "mảnh đất lành" để mọi cư dân được phát triển tài năng và cống hiến. Nâng cao chất lượng giáo dục để nâng cao dân trí và trình độ nghề nghiệp. Phát triển về số lượng và nâng cao chất lượng của các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ, cải thiện các điều kiện lao động và vệ sinh môi trường sống. Tổ chức tốt việc ứng dụng thành tựu khoa học, kỹ thuật và nhất là công nghệ mới. Tôn trọng, nâng niu, có kế hoạch phát huy những giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể làm nền tảng trong hình thành nhân cách của cư dân, của người lao động, văn hoá trong kinh doanh của doanh nhân.

3. Các tiêu chí đánh giá sự PTBV trên phạm vi vùng

Để đánh giá mức độ PTBV ở cấp độ quốc gia, vùng và địa phương cần dựa vào các tiêu chí. Tiêu chí hay chuẩn mực là đặc trưng của vật thể hoặc hiện tượng được chấp nhận là tối ưu trong thời gian, không gian nhất định. Tiêu chí được dùng làm mục tiêu phấn đấu, căn cứ so sánh các hiện tượng cùng nội dung.

Tiêu chí đánh giá sự PTBV trên phạm vi vùng trong quá trình đô thị hóa thể hiện cả về chất và về lượng các yêu cầu đối với phạm trù PTBV. Việc thể hiện về chất và về lượng nói trên được tiến hành thông qua các chỉ tiêu cụ thể. Giữa tiêu chí và chỉ tiêu đo sự PTBV trong quá trình đô thị hóa tồn tại mối liên quan chặt chẽ, nhưng chúng không thể đánh đồng với nhau. Tiêu chí là nguyên tắc cơ bản, điểm xuất phát để đánh giá sự PTBV, còn các chỉ tiêu phản ánh về lượng của tiêu chí PTBV. Chất lượng và sự hoàn thiện của các chỉ tiêu được thể hiện ở chỗ là chúng phản ánh định lượng tiêu chí PTBV chính xác như thế nào.

Muốn đánh giá đúng đắn, toàn diện sự PTBV phải xem xét trên nhiều mặt biểu hiện, kết hợp nhiều tiêu chí khác nhau có liên quan với nhau. Ở đây, có thể coi tiêu chí là sự biến động của các chỉ tiêu PTBV so với kỳ trước và với mức tối ưu (nếu có).

Đến nay, ở Việt Nam bộ tiêu chí đánh giá sự PTBV trên phạm vi vùng đang được một số tổ chức, nhà khoa học xem xét, lựa chọn. Nghiên cứu bộ chỉ tiêu PTBV của Việt Nam và của một số quốc gia, cho thấy, trong khi các nước đang phát triển quan tâm nhiều hơn đến các vấn đề đói nghèo, thất nghiệp, các điều kiện

tối thiểu để đảm bảo cuộc sống thì ở các nước phát triển sự quan tâm tập trung vào các vấn đề bình đẳng, chất lượng cuộc sống, các vấn đề xã hội nảy sinh trong một nền kinh tế phát triển và vấn đề ô nhiễm môi trường.

Trong phạm vi bài viết này, tập trung nghiên cứu bộ tiêu chí đánh giá sự PTBV cấp vùng. Việc xây dựng bộ tiêu chí này phụ thuộc nhiều vào trình độ phát triển, các vấn đề kinh tế - xã hội - môi trường bức xúc cần giải quyết của từng vùng. Có thể có nhiều cách tiếp cận xác định các tiêu chí, dù theo cách tiếp cận nào, các tiêu chí đánh giá sự PTBV vùng cũng phải thể hiện rõ năng lực quản lý bảo đảm các nội dung của PTBV.

Việc xây dựng tiêu chí đánh giá PTBV trên phạm vi vùng nhằm đáp ứng các mục tiêu sau đây:

- Các tiêu chí cung cấp các thông tin về xu thế, mô tả một trạng thái. Các tiêu chí có thể giúp xác định các thành phần liên quan của sự PTBV, làm tăng cường sự hiểu biết về trạng thái của sự bền vững. Việc chỉ ra mối quan hệ giữa hai tiêu chí hoặc sự phát triển theo thời gian của một tiêu chí nào đó sẽ giúp mọi người hiểu biết thế nào là PTBV.

- Các tiêu chí giúp đo sự bền vững được sử dụng nhiều hơn cho việc xác định các mục tiêu và chuẩn mực PTBV.

- Các tiêu chí được xây dựng và sử dụng nhằm cung cấp những phản hồi về sự tiến triển.

- Các tiêu chí tạo nên một ngôn ngữ chung để trao đổi và xác định các điểm giống và khác nhau. Các tiêu chí có thể chỉ ra những ưu điểm và nhược điểm của các phương án nhằm tìm ra phương án tối ưu.

Theo đó, các tiêu chí đánh giá PTBV trên phạm vi vùng được đề xuất bao gồm *bốn nhóm* tiêu chí tương ứng với ba trụ cột của PTBV và năng lực quản lý đô thị bảo đảm PTBV: 1/ Các tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế; 2/ Các tiêu chí xã hội; 3/ Các tiêu chí đánh giá bảo vệ môi trường sinh thái, sự phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội; 4/ Các tiêu chí đánh giá năng lực quản lý đô thị.

Các tiêu chí dưới đây chỉ là những gợi mở để xây dựng bộ chỉ tiêu hoàn chỉnh đánh giá sự PTBV phù hợp với điều kiện cụ thể của mỗi vùng:

Thứ nhất, nhóm 10 tiêu chí đánh giá sự PTBV về kinh tế, bao gồm:

1/ Nhịp độ phát triển kinh tế, cần phải bảo đảm nhanh nhưng bền vững tức là tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt ở mức cao (cao hơn mức bình quân cả nước) và duy trì ổn định trong nhiều năm liền (thường trên 10 năm). Được coi là một trung tâm

kinh tế ở phạm vi quốc gia, nhịp độ phát triển kinh tế của đô thị phải cao hơn các vùng nông thôn và giữ vai trò như một động lực tăng trưởng kinh tế của vùng hoặc của cả nước.

2/ Để đảm bảo được yếu tố bền vững trong tăng trưởng kinh tế cần tăng lên một cách toàn diện trên phương diện số lượng và chất lượng.

Về mặt số lượng: được thể hiện thông qua sự tăng lên về quy mô tuyệt đối GDP của nền kinh tế năm sau so với năm trước hoặc được thể hiện thông qua giá trị tương đối - tốc độ tăng trưởng kinh tế. Thông thường trong một giai đoạn ta thường sử dụng tiêu chí tăng trưởng kinh tế bình quân năm để phản ánh về mặt số lượng.

Về mặt chất lượng: được thể hiện trên nhiều khía cạnh khác nhau. Sau đây là một số yếu tố phản ánh chất lượng tăng trưởng kinh tế:

- Hiệu suất sử dụng vốn (ICOR): Hệ số ICOR phản ánh để GDP tăng lên 1 đồng thì tiêu tốn bao nhiêu đồng vốn đầu tư.

- Tăng trưởng kinh tế với năng suất nhân tố tổng hợp (*TFP: Total factor productivity*). TFP thể hiện cả hiệu quả khoa học - công nghệ, khoa học quản lý lẫn hiệu quả sử dụng các nguồn lực. Đóng góp của TFP có xu hướng tăng là dấu hiệu tốt của PTBV.

- Tăng trưởng kinh tế với tiêu dùng và xuất khẩu. Chi tiêu công và tiêu dùng của hộ gia đình hợp lý và tăng trưởng dương là dấu hiệu khả quan của chất lượng tăng trưởng kinh tế.

- Độ mở của nền kinh tế, kim ngạch xuất khẩu so với GDP đạt mức càng cao, từ trên 30% thể hiện nền kinh tế càng năng động, hoạt động ngoại thương có nhiều khởi sắc.

- Năng suất lao động, thông thường được phản ánh qua GDP bình quân đầu người, GDP bình quân đầu người ngày càng cao thì năng suất lao động ngày càng tăng.

- Chất lượng lao động, thể hiện số lượng và trình độ được đào tạo của người lao động. Để PTBV, chất lượng lao động phải tạo ra lợi thế, không là "nút cổ chai" tạo ra rào cản trong phát triển.

- Ô nhiễm môi trường trong sản xuất, đây là yếu tố rất quan trọng trong quá trình phát triển bền vững, công nghệ càng hiện đại, thân thiện với môi trường thì mức độ phát triển bền vững càng cao.

- Chất lượng các sản phẩm tiêu dùng xã hội, được xã hội thừa nhận là hợp lý, đáp ứng yêu cầu về an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo vệ sức khỏe và các giá trị tinh thần của giống nòi.

- Tình trạng thất nghiệp, xu hướng giảm của tiêu chí này là yêu cầu của PTBV.

3/ Cơ cấu kinh tế, cần có sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng hiện đại là dịch vụ - công nghiệp - xây dựng. Trong nội bộ các ngành kinh tế cũng cần có sự chuyển dịch một cách hợp lý, tạo sự chuyển biến tích cực phù hợp với xu thế của thời đại. Cơ cấu ngành kinh tế của đô thị, tùy điều kiện và vị trí của mỗi đô thị, kinh tế của đô thị có thể là công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp hay dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp. Trong cơ cấu kinh tế đô thị, nông nghiệp chiếm tỷ trọng nhỏ và thường là những ngành sản xuất thực phẩm, hoa và cây cảnh. Còn công nghiệp thường là những ngành công nghệ cao, dịch vụ cũng thường là những dịch vụ chất lượng cao. Cơ cấu lao động cần phù hợp với yêu cầu phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tỷ lệ lao động nông nghiệp giảm nhanh để có sự hài hòa với cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động trong mỗi ngành, giảm chênh lệch thu nhập giữa thành thị và nông thôn.

Ba ngành kinh tế cần phát triển một cách hợp lý, không vì tập trung phát triển ngành này mà làm hạn chế ngành khác quá mức. Ở các vùng ở nước ta hiện nay, việc sử dụng đất sản xuất nông nghiệp cho phát triển các ngành khác là rất lớn và vấn đề này cần được giải quyết theo hướng ưu tiên vì lợi ích quốc gia, theo định hướng trở thành một nước công nghiệp vào năm 2020 với sự cân nhắc PTBV ngành nông nghiệp.

Cơ cấu thành phần kinh tế cần có sự chuyển biến rõ nét, bảo đảm huy động cao độ các nguồn lực cho phát triển, thể hiện sự tham gia ngày càng sâu rộng của khu vực kinh tế ngoài nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

4/ Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tính bình quân đầu người của vùng cần đạt mức cao hơn bình quân cả nước. Đối với các đô thị, là khu vực có kinh tế phát triển tập trung, trong đó, có nhiều ngành có giá trị gia tăng cao, nên GDP bình quân đầu người của đô thị so với vùng và so với khu vực nông thôn thường cao hơn.

5/ Tỷ lệ đầu tư so với GDP, xu thế tăng dần của tiêu chí này thể hiện sự tích lũy cho tương lai ngày càng tăng.

6/ Đầu tư cho nghiên cứu và triển khai (R&D) so với GDP, động thái của tiêu chí này cho biết xu thế ứng dụng khoa học công nghệ trong phát triển kinh tế, do vậy rất quan trọng trong giai đoạn hội nhập sâu vào khu vực và thế giới.

7/ Đầu tư cho giáo dục so với GDP, bao gồm từ nguồn ngân sách và xã hội hóa (đầu tư toàn xã hội), động thái của tiêu chí này cho biết xu thế đầu tư nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển ở giai đoạn tiếp theo.

8/ Tác động lan tỏa của các đô thị trong vùng tới tăng trưởng kinh tế ở các vùng phụ cận và ở phạm vi toàn quốc. Tùy theo vị trí của đô thị, phạm vi lan tỏa trong tăng trưởng kinh tế của kinh tế đô thị có thể rất khác nhau. Tác động lan tỏa này thể hiện ảnh hưởng tích cực của tăng trưởng kinh tế tới các vùng nông thôn, vùng khác trong nước...

9/ Tiêu thụ năng lượng so với GDP hàng năm, việc sử dụng các dạng nhiên liệu sơ cấp (than, dầu mỏ, khí đốt) khá phổ biến ở mỗi vùng đã và sẽ ảnh hưởng đến môi trường sinh thái và sức khỏe con người. Do vậy, động thái của tiêu chí này rất quan trọng trong việc theo dõi sự PTBV của vùng.

10/ Hoạt động tái chế và tái sử dụng rác thải. Trong quá trình đô thị hóa ở mỗi vùng, lượng rác thải chưa được xử lý tăng rất nhanh ở khu vực đô thị và các khu công nghiệp. Hiện nay, chủ yếu đem chôn, rất ảnh hưởng đến môi trường; trong khi đó, các nguồn tài nguyên ngày càng cạn kiệt, vì vậy, vấn đề tái chế và tái sử dụng rác thải ngày càng trở nên cấp thiết.

Thứ hai, nhóm 10 tiêu chí đánh giá sự PTBV về xã hội, bao gồm:

1/ Quy mô và mật độ dân số. Tiêu chí này thể hiện mối tương quan giữa dân số và diện tích đất của vùng trong quá trình đô thị hóa. Dân số tăng làm nảy sinh các vấn đề xã hội, làm ảnh hưởng đến môi trường sinh thái. Từ giác độ PTBV, đây là một tiêu chí cần được xem xét. Ngày nay, người ta thường tránh hình thành các "siêu đô thị" do những tác động tiêu cực đến tổ chức đời sống và khả năng bảo đảm chất lượng cuộc sống của dân cư đô thị.

2/ Tuổi thọ trung bình, tính bằng năm. Xu thế chung, tuổi thọ của dân cư ngày càng cao, song có khác nhau giữa các vùng, các quốc gia do sự khác biệt giữa môi trường sống và điều kiện phúc lợi xã hội. Giữa tuổi thọ và ba yếu tố kinh tế - xã hội - môi trường có mối quan hệ khăng khít, do vậy chỉ tiêu này cũng thể hiện sự PTBV.

3/ Tình trạng thất nghiệp thành thị có quan hệ chặt chẽ với các vấn đề xã hội bức xúc; thất nghiệp càng cao sẽ tăng nguy cơ bất ổn định về kinh tế - xã hội, do vậy là một thước đo về PTBV. Khả năng giải quyết việc làm cho dân cư đô thị tùy thuộc vào quy mô, tốc độ phát triển và cơ cấu các ngành kinh tế - xã hội của đô thị. Bên cạnh ngành nông nghiệp thuần nhất, cần có các ngành tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ cùng tồn tại và phát triển ở nông thôn của vùng. Sử dụng lao động nông nhân, chuyển lao động (có tính chất mùa vụ) từ sản xuất nông nghiệp có thu nhập thấp sang ngành nghề phi nông nghiệp có thu nhập cao hơn.

4/ Quy mô dân số sống dưới ngưỡng nghèo, tiêu chí này được đánh giá qua các đợt điều tra mức sống, tuy nhiên, rất phụ thuộc vào định mức của ngưỡng nghèo. Vì vậy, cần dựa trên cùng một định mức để so sánh được xu thế.

Chênh lệch về thu nhập (chỉ số Gini), động thái của tiêu chí này cho phép xem xét sự biến động của phân phối thu nhập giữa các tầng lớp dân cư. Bên cạnh chỉ số Gini, có thể sử dụng mức độ chênh lệch thu nhập của 10% số người giàu nhất và của 10% số người nghèo nhất.

5/ Mạng lưới các cơ sở văn hóa trong vùng, ở đô thị phù hợp với nhu cầu các tầng lớp dân cư góp phần bảo đảm đời sống tinh thần của dân cư...

6/ Mạng lưới trường học trong vùng, bao gồm những cấp học khác nhau. Ở đô thị, các trường này đều phải đạt chuẩn quốc gia với khả năng bảo đảm chất lượng đào tạo toàn diện đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của vùng và của đất nước. Một số tiêu chí lĩnh vực giáo dục:

- Số lượng người lớn biết chữ so với dân số thể hiện trình độ dân trí. Sự phát triển của một đất nước như thế nào phụ thuộc khá nhiều vào dân trí, mặt khác, dân trí có được nâng cao hay không phụ thuộc vào khả năng tiếp cận thông tin báo chí, sách vở của người dân. Từ góc độ này cho thấy tỷ lệ biết chữ ở người lớn là một tiêu chí thể hiện sự phát triển bền vững của một vùng.

- Tình trạng phổ cập THCS đối với trẻ em trong độ tuổi.

- Số lượng sinh viên đại học và cao đẳng trên 1.000 dân. Đối với vùng trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tỷ lệ sinh viên đại học và cao đẳng trên 1.000 dân là một tiêu chí được quan tâm; bởi nó liên quan chặt chẽ tới chất lượng nguồn nhân lực có trình độ cao trước mắt và lâu dài, là điều kiện quan trọng cho việc phát triển vùng theo hướng bền vững.

7/ Tình trạng phạm pháp.

8/ Cơ cấu nguồn nhân lực, tùy thuộc vào cơ cấu kinh tế sẽ có cơ cấu nguồn nhân lực khác nhau. Đối với một đô thị hiện đại, phát triển theo hướng bền vững là đô thị có đội ngũ lao động trình độ chuyên môn cao đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành công nghệ cao.

Tỷ lệ lao động được đào tạo. Việc tăng tỷ lệ lao động được đào tạo, giảm lao động giản đơn, không có tay nghề là tiền đề nâng cao năng suất lao động xã hội, tăng thu nhập cho người lao động.

9/ Mạng lưới y tế và chăm sóc sức khỏe trong vùng, ở đô thị. Tương tự như mạng lưới trường học, mạng lưới y tế và chăm sóc sức khỏe của dân cư có thể bao

gồm đầy đủ các cơ sở từ chăm sóc sức khỏe ban đầu tới các cơ sở chẩn trị chuyên khoa và đa khoa. Tùy thuộc vào quy mô và vị trí của đô thị, cần có các cơ sở chẩn trị chuyên khoa và đa khoa cao cấp. Dù với mức độ nào, mạng lưới y tế phải có khả năng chăm sóc tốt sức khỏe cho dân cư.

Một số tiêu chí lĩnh vực y tế:

- Số lượng các bà mẹ tử vong trong lúc sinh nở, tiêu chí này vừa phản ánh vấn đề giới vừa thể hiện điều kiện phát triển về y tế, mức sống dân cư; tỷ lệ này càng cao thể hiện sự phát triển không theo hướng bền vững.

- Tình trạng trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi, phản ánh tình trạng sức khỏe của lứa tuổi nhỏ nhất song có liên quan mật thiết tới nòi giống, mức sống của dân cư, đặc biệt của các bà mẹ. Tỷ lệ này càng cao hoặc có xu thế tăng là những thông tin cảnh báo về sự phát triển không bền vững của một vùng.

- Tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng. Đối với một vùng biển có khí hậu nhiệt đới, việc tiêm chủng cho trẻ em trong độ tuổi cực kỳ quan trọng bởi lẽ qua đó tránh được những tổn thất không đáng có về con người, về ngày công lao động và các chi phí xã hội khác. Tỷ lệ này càng cao càng góp phần cho sự phát triển bền vững của vùng.

10/ Tình trạng tai nạn giao thông.

Thứ ba, nhóm 10 tiêu chí về môi trường sinh thái và cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, bao gồm:

1/ Diện tích cây xanh tính bình quân đầu người, diện tích che phủ của rừng, diện tích khu bảo tồn thiên nhiên so với diện tích tự nhiên.

2/ Tỷ lệ hộ gia đình được dùng điện sinh hoạt. Dân số được sử dụng nước sạch, tính theo phần trăm (%) và mức nước sạch cung cấp tính bình quân đầu người là một tiêu chí nói lên mức sống, điều kiện kết cấu hạ tầng xã hội, liên quan đến tiêu chí kinh tế - xã hội - môi trường khác, do vậy tiêu chí này là một thước đo về mặt xã hội trong PTBV. Để so sánh, cần thống nhất chuẩn mực nước sạch ở thành thị là nước được xử lý qua hệ thống cấp nước.

Số lượng dân cư được tiếp cận hệ thống vệ sinh phản ánh mức sống và môi trường sống của người dân, có liên quan mật thiết với nhiều tiêu chí kinh tế và môi trường. Xu hướng tăng của tiêu chí này góp phần vào mục tiêu PTBV.

Số lượng dân cư được tiếp cận các phương tiện truyền thông. Các tiêu chí được quan tâm là số lượng dân cư được nghe đài, xem chương trình ti vi, số máy điện thoại trên 1.000 dân và số lượng dân cư truy cập Internet. Xu thế tăng của tiêu chí này góp phần nâng cao dân trí và đáp ứng phương tiện hoạt động kinh doanh.

3/ Số lượng các khu, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải, rác thải rắn; tỷ lệ xử lý nước thải, rác thải đô thị, công nghiệp và bệnh viện. Với xu thế tăng của tiêu chí này góp phần giảm thiểu tối đa vấn đề ô nhiễm môi trường hiện tại và trong tương lai.

4/ Phát thải các khí nhà kính, tính theo tấn/năm. Đây là một tiêu chí rất quan trọng đối với toàn cầu. Cần phải giảm thiểu lượng phát thải để đạt mục tiêu PTBV.

5/ Số lượng các vùng đô thị có mức ô nhiễm không khí vượt quá tiêu chuẩn cho phép. Ô nhiễm không khí đô thị sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sức khoẻ dân cư và gián tiếp ảnh hưởng đến nhiều vấn đề kinh tế - xã hội khác.

6/ Số doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn ISO 14001. Việc xem xét số doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn ISO 14001 rất có ý nghĩa cả về nhận thức lẫn triển khai quá trình phát triển bền vững.

7/ Diện tích đất nông nghiệp được tưới tiêu chủ động. Diện tích đất bị suy thoái hàng năm, bao gồm, đất bị xói mòn, đất bị nhiễm mặn và đất bị sa mạc hoá do sự thay đổi của khí hậu. Diện tích đất bị suy thoái hàng năm so với diện tích tự nhiên là một thước đo về sự huỷ hoại môi trường sống của con người.

8/ Tài nguyên biển và môi trường biển rất quan trọng đối với Việt Nam và các vùng có biển. So sánh giữa đầu tư năng lực đánh bắt với sản lượng cá đánh bắt được hàng năm có thể thấy được động thái hoặc mức cạn kiệt của nguồn lợi hải sản.

9/ Diện tích đất dành cho giao thông, gồm cả giao thông tỉnh, trong tổng diện tích đất đô thị. Tiêu chí này cần phải đạt chỉ tiêu theo chuẩn quốc gia.

10/ Diện tích nhà ở bình quân đầu người ở thành phố, cho biết một khía cạnh của mức sống dân cư đô thị, đồng thời, có liên quan mật thiết tới môi trường đô thị và sự phát triển kinh tế nói chung. Đối với vùng nông thôn, do đặc thù hiện nay khó so sánh, tiêu chí này có thể được mở rộng sau. Tiêu chí này cần phải đạt chỉ tiêu theo chuẩn quốc gia.

Thứ tư, nhóm 5 tiêu chí về năng lực quản lý đô thị, bao gồm:

1/ Chất lượng các dịch vụ hành chính công; tính minh bạch, rõ ràng của thể chế quản lý đô thị và những quy định xử lý các quan hệ quản lý.

2/ Sự tham gia của các tổ chức xã hội, của cộng đồng dân cư vào quá trình ra quyết định các công việc phát triển và quản lý đô thị.

3/ Chất lượng quy hoạch đô thị và kết quả quản lý đô thị theo quy hoạch dài hạn đã được phê duyệt.

4/ Cơ cấu trình độ, ngành nghề được đào tạo của nhân lực tư vấn phát triển đô thị và quản lý đô thị. Tinh thần trách nhiệm của đội ngũ công chức quản lý đô thị.

5/ Sự phối hợp giữa chính quyền các địa phương trong xây dựng dự án hoặc trước khi phê duyệt dự án đầu tư (nếu do một địa phương đề xuất) có liên quan đến sự phát triển chung của cả vùng như giao thông, cảng, khu công nghiệp, khu đô thị mới, các trung tâm đào tạo...

Khi đánh giá mức độ PTBV cấp vùng cần dựa vào đặc điểm kinh tế - xã hội của mỗi vùng để vận dụng các tiêu chí phù hợp.

Tài liệu tham khảo

1. Dự án VIE/01/021 (2006), *Phát triển bền vững ở Việt Nam - Sổ tay tuyên truyền*, Hà Nội.
2. Dự án VIE/01/021 (2006), *Bộ chỉ tiêu và cơ sở dữ liệu giám sát phát triển bền vững ở Việt Nam*, Hà Nội.
3. Dự án VIE/01/021 - Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2006), *Sổ tay xây dựng kế hoạch phát triển bền vững ngành và địa phương*, Hà Nội.
4. TS. Đào Hoàng Tuấn (2008), *Phát triển bền vững đô thị*, Nxb. Khoa học xã hội.
5. Bùi Đức Hùng, chủ nhiệm (2010), *Đề tài cấp Bộ "Một số vấn đề cơ bản về PTBV vùng Duyên hải Nam Trung Bộ trong quá trình đô thị hoá"*.